

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Ngọc Loan.

Căn cứ:

- Điều 147, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 3, khoản 8 và khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLST- KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần K; địa chỉ: Số A T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Trí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Ngọc H, bà Nguyễn Thị Thu H1 (theo giấy ủy quyền ngày 14/01/2019) và ông Tô Đình H2 (theo giấy ủy quyền ngày 05/03/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Mạnh H3 - Công ty L.

- Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên Ú; địa chỉ: số A H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Viết H4 - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Phạm Quang H5** – Phó Tổng giám đốc; Ông **Nguyễn Trọng H6** – Kế toán trưởng, ông **Vũ Tiến D1** - Trưởng phòng kế hoạch đầu tư và ông **Phan Thanh S** (theo giấy uỷ quyền số 556/GUQ-HCNS ngày 31/8/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Vũ Xuân N** và Luật sư **Trịnh Thị A** - Luật sư của **Công ty L1**.

- **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Đ**; địa chỉ: **tầng H, tòa nhà S, phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh Q** – Tổng giám đốc.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Công ty cổ phần K** đã hoàn tất chuyển giao toàn bộ dự án theo hiện trạng và **Công ty TNHH một thành viên Ú** mới và du lịch đồng ý và xác nhận đã nhận việc chuyển giao toàn bộ dự án theo hiện trạng từ **Công ty cổ phần K** (có sự chứng kiến của **Công ty cổ phần Đ**). **Công ty cổ phần Đ** đã tiếp nhận toàn bộ dự án theo hiện trạng tại thời điểm ra quyết định này.

- Các đương sự đồng ý để **Công ty cổ phần Đ** thay thế và kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của **Công ty TNHH một thành viên Ú** mới và du lịch đối với Hợp Đồng 1168/2010/HĐ - PJMI ký kết ngày 02/8/2010 (cùng các phụ lục, thỏa thuận hợp đồng đi kèm Hợp Đồng này) bao gồm cả (nhưng không giới hạn bởi) nghĩa vụ thanh toán, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, trách nhiệm với bên thứ ba (nếu có) phát sinh trước, trong và sau ngày 14/01/2020 (ngày **Công ty cổ phần Đ** và **Công ty TNHH một thành viên Ú** mới và du lịch ký Biên bản thanh lý Hợp đồng 09/2010/HĐ - CGCN ký ngày 19/7/2010).

- Các đương sự cùng nhau thỏa thuận chấm dứt toàn bộ quyền, nghĩa vụ của **Công ty cổ phần K**, **Công ty TNHH một thành viên Ú** mới và du lịch và **Công ty cổ phần Đ** đối với Hợp Đồng 1168/2010/HĐ - PJMI ký kết ngày 02/8/2010 (cùng các phụ lục, thỏa thuận hợp đồng đi kèm Hợp Đồng này), đồng thời không Bên nào yêu cầu các Bên còn lại thanh toán, hoàn trả, bồi hoàn, bồi thường, phạt vi phạm, yêu cầu thực hiện công việc hoặc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác liên quan đến Hợp Đồng 1168/2010/HĐ - PJMI ký kết ngày 02/8/2010 (cùng các phụ lục, thỏa thuận hợp đồng đi kèm Hợp Đồng này).

2.2. Về án phí: **Công ty cổ phần K** và **Công ty TNHH một thành viên Ú** mới và du lịch thỏa thuận mỗi bên chịu một nửa án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Trả lại **Công ty cổ phần K** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.500.000 đồng (năm mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005698 ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

+ Trả lại **Công ty TNHH một thành viên Ú** mới và du lịch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 68.500.000 đồng (sáu mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng) đã nộp

theo biên lai thu tiền số 0005947 ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Xuân;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 41-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST- HNGĐ).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại khoản 1 Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà chưa có cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ trong tố tụng của cá nhân đó quy định tại điểm a khoản 1 Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số: 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá